

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B3
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024370	Nguyễn Văn Hoàn	Anh	31/08/2008	6.5	4.4	8.9	5.8	7.1	8.0	6.3	7.2	6.6	Trung bình
02	2354801024371	Phạm Văn Hoàng	Bảo	30/08/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2354801024372	Nguyễn Văn	Bồn	03/11/2008	7.8	3.8	9.3	6.0	8.9	5.5	5.8	7.5	6.6	Trung bình
04	2354801024373	Lê Thị Tường	Duy	23/06/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
05	2354801024374	Lê Minh	Dư	16/12/2008	7.9	5.9	9.1	5.5	8.6	5.5	7.2	7.9	7.2	Khá
06	2354801024375	Huỳnh Tấn	Đạt	24/04/2008	7.1	6.3	8.7	7.1	9.4	7.8	7.2	7.7	7.6	Khá
07	2354801024376	Nguyễn Hoàng	Giang	23/07/2008	7.9	4.7	8.6	5.6	8.9	8.6	9.2	8.6	7.5	Khá
08	2354801024377	Nguyễn Phước	Hậu	16/08/2008	6.4	3.6	8.9	5.0	8.0	2.4	6.7	7.3	5.9	Trung bình
09	2354801024378	Trương Văn	Hòa	21/06/2002	9.0	9.1	9.7	9.2	9.1	9.2	9.4	8.8	9.2	Xuất sắc
10	2354801024379	Nguyễn Đức	Hòa	09/05/2008	5.9	3.6	9.2	4.9	6.8	5.0	4.7	6.7	5.8	Trung bình
11	2354801024380	Dương Văn	Huy	08/12/2008	8.4	5.4	9.3	6.9	8.5	7.8	8.0	7.9	7.6	Khá
12	2354801024381	Hồ Hữu	Hưng	06/09/2008	3.3	2.2	3.0	2.0	2.7	2.8	0.0	3.1	2.4	Yếu
13	2354801024382	Nguyễn	Kha	12/03/2007	8.1	6.9	9.5	7.0	8.3	8.4	8.6	7.6	8.0	Giỏi
14	2354801024383	Nguyễn Ngọc Dương	Khang	26/05/2008	5.4	3.9	8.8	2.5	7.1	5.4	5.0	7.7	5.7	Trung bình
15	2354801024384	Trần Phú Gia	Khang	28/02/2008	7.8	5.8	9.8	6.0	7.9	7.7	8.3	8.2	7.6	Khá
16	2354801024385	Cao Văn	Khanh	11/06/2008	9.2	6.7	9.6	8.7	7.1	9.3	9.3	5.7	8.1	Giỏi
17	2354801024386	Trần Đăng	Khoa	08/11/2008	8.3	6.4	9.6	4.6	6.6	8.0	6.5	7.6	7.2	Khá
18	2354801024387	Nguyễn Trọng	Nam	07/01/2008	8.0	3.9	6.5	7.3	9.0	8.0	8.2	7.7	6.9	Trung bình
19	2354801024388	Bùi Vĩnh	Nguyên	14/06/2008	7.3	4.0	7.5	5.5	4.0	5.9	4.5	5.9	5.5	Trung bình
20	2354801024389	Nguyễn Hoàng	Phú	16/03/2008	7.7	5.7	8.8	6.6	8.6	7.2	9.2	8.4	7.6	Khá
21	2354801024390	Nguyễn Hồng	Phúc	09/07/2008	0.0	1.7	0.4	0.0	0.0	2.2	0.0	0.0	0.7	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Tin học văn phòng(3)	Kỹ năng mềm(2)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn vệ sinh công nghiệp(2)	Kỹ thuật đo lường(2)	Kiến trúc máy tính(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024391	Võ Phước	Sang	18/09/2008	7.2	4.6	9.6	6.2	7.3	6.6	7.0	7.8	6.9	Trung bình
23	2354801024392	Võ Văn	Thiện	29/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
24	2354801024393	Nguyễn Minh	Triết	16/12/2008	6.6	5.6	8.1	6.9	5.9	7.7	9.2	7.7	7.1	Khá
25	2354801024394	Quách Nhựt	Trường	01/12/2008	8.2	5.3	9.3	8.0	8.2	6.0	6.4	7.9	7.3	Khá
26	2354801024395	Nguyễn Hoàng	Tuấn	17/10/2007	6.8	1.0	7.7	1.9	7.4	7.6	5.3	6.6	5.2	Trung bình
27	2354801024396	Lê Hùng	Vĩ	17/07/2005	8.0	5.2	9.6	5.6	7.6	7.0	9.2	7.6	7.3	Khá
28	2354801024397	Trần Minh	Vương	03/05/2003	9.1	7.9	9.8	8.8	9.1	9.7	9.3	7.9	8.9	Giỏi
29	2354801025273	Trần Minh	Nhựt	15/09/2008	6.0	4.0	9.5	8.3	7.7	8.4	8.7	7.4	7.2	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái